TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 09/2018/QĐST – HNGĐ	*GV, ngày 05 tháng 02 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 13/2018/TLST/HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2018 giữa:
  Nguyên đơn***: Chị Nguyễn Thị Cẩm T,*** sinh năm 1983.
  Địa chỉ: Số nhà 176, phố M thị trấn M, huyện G, tỉnh N.
  Bị đơn: ***Anh Vũ Văn K,*** sinh năm 1983.
  Địa chỉ: Số nhà 176, phố M, thị trấn M, huyện GV, tỉnh N.
- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 7 Điều 26, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Vũ Văn K.

2. Công nhận sự thoả thuận của chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Vũ Văn K về các vấn đề khác cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Chị *Nguyễn Thị Cẩm T và anh Vũ Văn K* đều thừa nhận vợ chồng có ba con chung, cháu lớn tên là Vũ Anh Th, sinh ngày 29/10/2007, cháu thứ hai tên là Vũ Ánh Ng, sinh ngày 04/02/2010, cháu thứ 3 là Vũ Anh K, sinh ngày 14/8/2014. Khi ly hôn, hai bên thống nhất thỏa thuận để anh K là người trực

tiếp chăm sóc giáo dục cả ba cháu Vũ Anh Th, Vũ Ánh Ng và Vũ Anh K, kể từ tháng 2/2018 cho đến khi các cháu Anh Th, Ánh Ng và Anh K đủ 18 tuổi. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh K. Chị T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

2.2 Về tài sản và công nợ chung;

Anh Vũ Văn K và chị Nguyễn Thị Cẩm T, đều không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản. Do vậy, vấn đề tài sản và công nợ chung Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Cẩm T nhận nộp 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Viễn theo biên lai số: AA/2010/04149 ngày 23/01/2018. Trả lại cho chị Nguyễn Thị Cẩm T 150.000^{đ} tiền tạm ứng án phí đã nộp.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Gia Viễn;
- Các đương sự;
- UBND phường M, Q.NS, TP ĐN;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN

TRẦN THỊ PHI